

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 6 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và bà Phan Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về “Kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1986 - có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn T, xã ĐB, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông;

Bị đơn: Anh Lư Văn T, sinh năm 1985 - có mặt;

Địa chỉ: Thôn T, xã ĐB, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị D trình bày:

Chị Đỗ Thị D và anh Lư Văn T sau một thời gian tìm hiểu, yêu đương thì tiến tới hôn nhân chung sống với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ

chồng hạnh phúc và có 02 con chung là: Lư Gia N1, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2013 và Lư Thị như M, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2018.

Tuy nhiên, sau đó giữa hai vợ chồng không còn hạnh phúc nữa mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhọt không lo tu chí làm ăn gì cả, mỗi khi say về thì anh T còn đánh đập chị D, kể từ đó mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay. Hiện tại chị D không còn tình cảm với anh T nữa. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống, nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lư Văn T. Về con chung: Chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trông nom, giáo dục 01 con chung là cháu Lư Thị như M, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2018 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu lớn là Lư Gia N1, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2013 thì để anh T nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lư Văn T trình bày: Anh Lư Văn T và chị Đỗ Thị D chung sống có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang theo quy định và có 02 con chung là: Lư Gia N1, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2013 và Lư Thị như M, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2018. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn không lớn hai bên chưa ngồi lại để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh T vẫn còn tình cảm với chị D và muốn vợ chồng quay về đoàn tụ. Tại phiên tòa hôm nay chị D cương quyết xin ly hôn với anh thì anh suy nghĩ lại và đồng ý ly hôn với chị D. Về con chung: Anh T đồng ý để chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lư Thị như M, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2018 còn anh sẽ là người nuôi cháu Lư Gia N1, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2013. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn thay đổi yêu cầu và đồng ý ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức xác định việc chấp hành của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành nghiêm các quy định của BLTTDS. Về ý kiến việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Lư Văn T chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Lư Gia N1 cho anh Lư Văn T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Đỗ Thị D phải cấp dưỡng và giao cháu Lư Thị như M cho chị Đỗ Thị D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Lư Văn T phải cấp dưỡng.

Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí, được khấu trừ vào số tiền chị D đã nộp tại Chi cục THADS huyện Tuy Đức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:* Chị Đỗ Thị D và anh Lư Văn T chung sống và có đăng ký kết hôn. Ngày 25/10/2023 chị D nộp đơn xin ly hôn với anh Lư Văn T và yêu cầu được nuôi Lư Thị như M, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2018 còn cháu Lư Gia N1, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2013 thì giao cho anh Lư Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lư Văn T hiện đang cư trú tại thôn Thôn T, xã ĐB, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị D và anh Lư Văn T kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, giấy đăng ký số 08/2012 vào ngày 06/3/2012 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Vào thời điểm kết hôn, cả chị D và anh T đều đã đủ tuổi kết hôn, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị D: Nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị D và anh T không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Trong quá trình làm việc, hoà giải tại Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thì anh T không đồng ý ly hôn cùng với chị D và mong muốn quay về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh T trình bày nếu chị D vẫn cương quyết xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị D vì hiện tại cả hai vợ chồng đang sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay; hai vợ chồng mỗi người dọn đi sinh sống ở một nơi. Tại biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thì anh Lư Văn T và chị Đỗ Thị D đã bán nhà đi nơi khác thỉnh thoảng quay về hỏi thăm họ hàng; Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh T không còn thương yêu nhau; hai vợ chồng hiện sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2023 đến nay; mâu thuẫn thường xuyên kéo dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị D là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị Đỗ Thị D và anh Lư Văn T có 02 con chung là: Lư Gia N1, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2013 và Lư Thị như M, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2018. Trong quá trình làm việc và hoà giải tại Toà án và tại phiên toà sơ thẩm thì anh T yêu cầu được nuôi cháu Nghĩa và để cháu Ý cho chị D nuôi dưỡng; chị D cũng đồng ý với yêu cầu này. Vì vậy, HĐXX ghi nhận yêu cầu của chị D và anh T về việc giao 01 con chung Lư Thị như M, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2018 cho chị Đỗ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu Lư Gia N1, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2013 cho anh Lư Văn T nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh Lư Văn T và chị Đỗ Thị D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, chị D, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu chị D, anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của người kia thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T; chị D.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Đỗ Thị D, anh Lư Văn T không yêu cầu ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị D, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[7] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; chị Đỗ Thị D phải chịu toàn bộ số tiền trên; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001142 ngày 30/10/2023 của Cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D được ly hôn với anh Lư Văn T.

Về con chung: Giao 01 con chung Lư Thị như M, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2018 cho chị Đỗ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao 01 con chung Lư Gia N1, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2013 cho anh Lư Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Lư Văn T và chị Đỗ Thị D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, chị D, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu chị D, anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của người kia thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T; chị D.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị D; anh Lư Văn T không yêu cầu ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; Chị Đỗ Thị D phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001142 ngày 30/10/2023 của Cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (ĐKKH số 08/2012);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA. Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký và đóng dấu**

Phạm Văn Phiêm